

QUẢN LÝ RỪNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở BẢN PHÚ MINH, XÃ THƯỢNG HÓA, HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

Phan Thanh Quyết, Nguyễn Thị Quỳnh Phương

Tóm tắt. Bản Phú Minh thuộc xã Thượng Hóa, một trong những xã biên giới của huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình với đa số là đồng bào dân tộc cộng đồng các dân tộc như ; Arem, Sách, Rục và dân tộc Kinh. Trong đó : Dân tộc ARem chiếm 6,8%, với 9 người, dân tộc Sách chiếm 33,2% với 44 người, dân tộc Rục chiếm 9,8% với 13 người, dân tộc Kinh chiếm 50,3% với 66 người, phân bố tập trung chủ yếu gần nhà cộng đồng bản, rất thuận lợi cho công tác họp dân và tổ chức sinh hoạt cộng đồng. Bản Phú Minh cho đến năm 2012 được sự nhất trí của chính quyền địa phương có một số hộ người Kinh nhập cư về bản, cho đến nay tổng số hộ là 33 hộ với 132 nhân khẩu[5]. Cộng đồng dân cư sinh sống tại bản có phong tục tập quán canh canh tác làm nương rẫy trên đất dốc. Cuộc sống của đồng bào dân tộc Chứt ở Phú Minh có cuộc sống chủ yếu dựa vào rừng, hàng ngày bà con vào rừng kiếm củi về đun, đi hái một số sản phẩm từ rừng về làm thực phẩm như: bắp chuối, măng rừng, ...nên đời sống vô cùng khó khăn. Bên cạnh đó, có một số hộ gia đình đã biết đầu tư trồng lúa nước, hoa màu để phát triển kinh tế gia đình, nhưng vẫn phụ thuộc chủ yếu vào rừng, vì rừng vẫn là mưu sinh của cộng đồng dân cư trong Bản[2]. Từ khi Dự án Giao rừng cộng đồng được triển khai, bản Phú Minh được xây dựng cơ sở vật chất, tập huấn các kỹ năng trong công tác bảo vệ rừng, thành lập các tổ, đội quản lý rừng, hỗ trợ thực hiện các mô hình phát triển kinh tế, vì vậy cuộc sống của người dân nơi đây đã có sự chuyển biến rõ nét, nhất là trên lĩnh vực quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng. Bằng việc triển khai xây dựng mô hình quản lý bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng.

Từ khóa: Rừng cộng đồng, quản lý bảo vệ rừng, giao đất giao rừng, cộng đồng

1. MỞ ĐẦU

1.1. Tính cấp thiết

Xã Thượng Hóa thuộc huyện Minh Hóa là một trong 13 xã vùng đệm với tổng diện tích tự nhiên là 35.470 ha, trong đó diện tích đất Lâm nghiệp là 33.089 ha, chiếm 93,28% diện tích tự nhiên. Mặt khác, đây là khu vực sinh sống chủ yếu của cộng đồng dân tộc Chứt và Kinh, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, hệ thống giao thông đường xá đi lại còn bị động, trình độ nhận thức của một số dân tộc còn thấp, điều kiện tiếp cận với các nguồn thông tin còn hạn chế, dẫn đến sự phát triển kinh tế vùng còn chậm, đời sống nhân dân còn phụ thuộc nhiều vào rừng [4].

Bản Phú Minh thuộc xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, khu dân cư của bản nằm dọc theo hai bên đường Hồ Chí Minh nhánh Đông cách trung tâm xã 5 km về phía Tây Bắc, cách thành phố Đồng Hới 75 km, là bản thuộc xã miền núi biên giới đặc biệt khó khăn của huyện Minh Hóa. Bản Phú Minh có 33 hộ với 132 nhân khẩu, đa số chủ yếu là cộng đồng dân tộc Chứt và Kinh sinh sống [4]. Từ bao đời nay, đồng bào dân tộc Chứt ở Phú Minh có cuộc sống chủ yếu dựa vào rừng và phụ thuộc vào rừng, một số hộ gia đình đã biết đầu tư trồng lúa nước,

hoa màu và phát triển kinh tế hộ gia đình, nhưng vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, do thiếu khả năng tiếp cận với thông tin, ngôn ngữ và các chương trình dự án. Trong những năm qua được sự quan tâm của các cấp chính quyền và các tổ chức Quốc tế đầu tư tài trợ nhiều dự án đã và đang được thực hiện có hiệu quả tại đây, đời sống vật chất và tinh thần của người dân đã được cải thiện đáng kể [5].

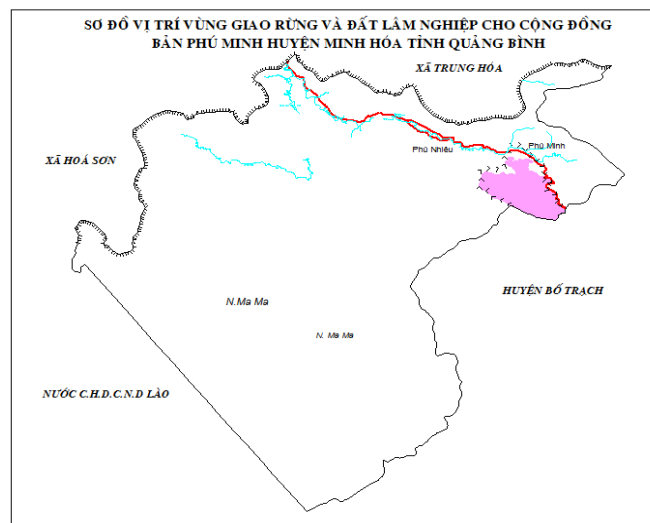
Quản lý rừng cộng đồng là hình thức bảo vệ rừng, trong đó cộng đồng dân cư được Nhà nước giao quyền sử dụng dài hạn nguồn tài nguyên rừng để quản lý, chăm sóc, bảo vệ và sử dụng lâu dài, bền vững làm giàu tài nguyên rừng bằng các biện pháp lâm sinh, tạo ra nguồn thu nhập thường xuyên, góp phần đảm bảo các lợi ích xã hội và sự phát triển của cộng đồng dân cư trong vùng [1].

Mô hình quản lý rừng cộng đồng được triển khai trên địa bàn với sự đầu tư của dự án vùng đệm Phong Nha – Kẻ Bàng đã góp phần cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư, đồng thời giảm được sự phụ thuộc của người dân vào rừng, từ đó người dân có ý thức trong quản lý bảo vệ rừng, phát triển nguồn tài nguyên một cách bền vững...

1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là cộng đồng dân cư bản Phú Minh và tài nguyên rừng.

Phạm vi nghiên cứu là Bản Phú Minh, xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa được thể hiện ở Hình 1.



Hình 1. Vị trí khu vực nghiên cứu

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập các số liệu tổng quan từ các chương trình, dự án, hội thảo liên quan đến địa bàn nghiên cứu,

Thu thập các số liệu về tình hình cơ bản của xã, ban quản lý thôn/bản, hồ sơ giáo rừng cho cộng đồng và các báo cáo hàng năm của các cơ quan ban ngành,

Phương pháp điều tra thực địa

Điều tra, thu thập số liệu về tình hình dân sinh, kinh tế - xã hội của thôn.

- Kiểm tra ngoài hiện trường bằng phương pháp khoanh lô dọc đối diện kết hợp với sử dụng GPS để kiểm tra việc khoanh vẽ trạng thái rừng trên ảnh, sau đó điều chỉnh, bổ sung ở những vị trí bất hợp lý.

- Khảo sát thôn bản: Điều tra thực địa với sự tham gia của trưởng bản, thành viên của tổ quản lý bảo vệ rừng cấp thôn/bản và người dân trong bản

2.2. Phương pháp hợp thôn, phỏng vấn hộ

- Hợp phổ biến và thống nhất nội dung công việc, kế hoạch thực hiện, nhân sự tham gia.

- Hướng dẫn kỹ thuật cho lực lượng của thôn trên thực địa về các nội dung có liên quan đến công tác điều tra tài nguyên rừng: xác định ranh giới giao rừng, xác định vị trí mốc lô, kỹ thuật điều tra thu thập trong ô tiêu chuẩn [2].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả giao rừng cộng đồng ở bản Phú Minh

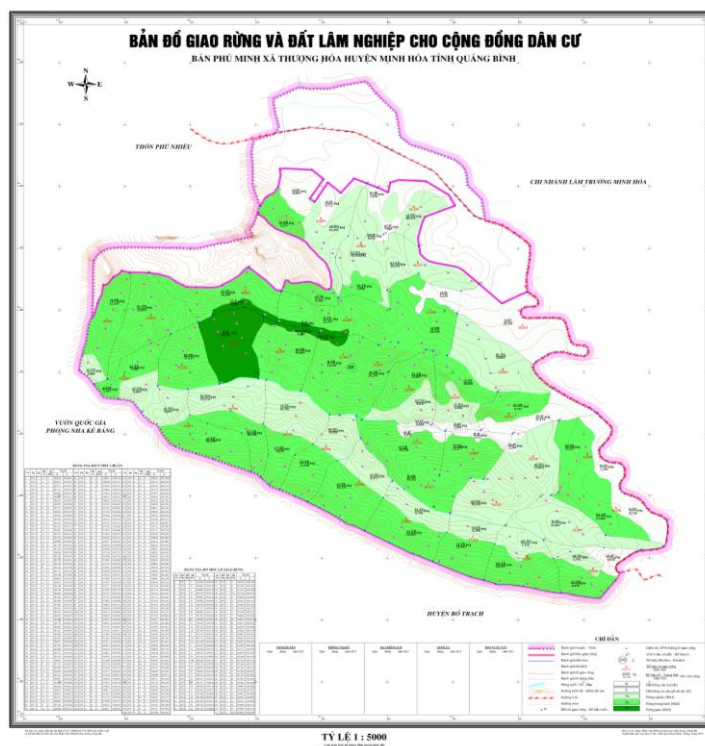
Qua quá trình khảo sát khoanh vẽ tại hiện trường khu vực dự kiến giao rừng cho cộng đồng bản Phú Minh kết quả tính toán được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả giao rừng cộng đồng bản Phú Minh năm 2012 (đơn vị: ha)

Loại đất, loại rừng	Tổng	UBND Xã
Diện tích đất Lâm nghiệp	207,152	803.868
A. Đất có rừng	175,930	175,930
<i>I. Rừng tự nhiên</i>	<i>175,930</i>	<i>704.453</i>
Rừng giàu (IIIA3)	90,974	29,256
Rừng trung bình (IIIA2)	38,152	420,216

Rừng nghèo (III A1)	46,804	254,918
B. Đất chưa có rừng	31,222	99,415
1. Đất trống có cây bụi (IB)	0,608	1,656
2. Đất trống cây gỗ rải rác (IC)	30,614	97,759

Diện tích và vùng rừng cộng đồng được giao cho cộng đồng dân cư bản Phú Minh chủ yếu ở Tiểu khu 239 được thể hiện ở Hình 2.



Hình 2. Bản đồ giao rừng bản Phú Minh xã Thượng Hóa.

3.2. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý bảo vệ rừng

Cộng đồng tham gia vào việc xây dựng quy ước quản lý bảo vệ rừng cộng đồng, thành lập ban quản lý rừng thôn bản: Để hình thành các điều khoản, lấy ý kiến của cộng đồng trong việc bảo vệ rừng được giao tổ công tác tham gia vào lập kế hoạch quản lý rừng của bản. Tại cuộc họp, người dân có các ý kiến khác nhau về cơ chế hưởng lợi, được tham gia đóng góp ý kiến của mình đối với quyền lợi mà cộng đồng được hưởng lợi từ rừng được giao. Trưởng bản tổ chức họp bản để thành lập nhóm, tổ bảo vệ rừng, trực tiếp cùng với trưởng bản, tổ chức huy động lực lượng trên toàn bản khi có nhiệm vụ cần thiết, xử lý những trường hợp vi phạm quy ước bảo vệ

rừng thôn bản, báo cáo diễn biến tài nguyên rừng theo quy định của luật bảo vệ phát triển rừng được thể hiện ở Hình 3.



Hình 3. Họp thôn bản Phú Minh về xây dựng quy ước quản lý rừng cộng đồng.

Họp phổ biến và thống nhất nội dung công việc, kế hoạch thực hiện, nhân sự tham gia quản lý rừng cộng đồng của thôn bản. Cán bộ kỹ thuật dự án trình bày hướng dẫn kỹ thuật cho lực lượng của thôn trên thực địa về các nội dung có liên quan đến công tác điều tra tài nguyên rừng: xác định ranh giới giao rừng, xác định vị trí mốc lô, kỹ thuật điều tra thu thập trong ô tiêu chuẩn và các thông tin liên quan đến dự án.



Hình 4. Tập huấn chuyên giao kỹ thuật cho cộng đồng trong quản lý rừng cộng đồng.

Sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý bảo vệ rừng (QLBVR): Trong bản có sự tham gia của cộng đồng vào việc tuần tra khảo sát bảo vệ rừng định kỳ và có sự tuần tra phối hợp giữa người trong tổ QLBVR với người dân trong thôn. Đối với giao rừng cho nhóm hộ thì việc tuần tra rừng ở mỗi nhóm khác nhau, và chỉ có người trong nhóm mới tham gia tuần tra bảo vệ được thể hiện ở Hình 5.



Hình 5. Công tác tuần tra, khảo sát hiện trường có sự tham gia của cộng đồng.

Sự tham gia của người dân vào công tác phòng chống cháy rừng(PCCR): Ban quản lý rừng của bản phổ biến các nội dung phòng chống cháy rừng, tham gia tập huấn và tuyên truyền cho cộng đồng. Các tổ QLBRV cũng chính là lực lượng xung kích PCCR của bản, trực gác ở những vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, phát các rãnh cản lửa và huy động toàn bộ người dân tham gia chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra. Ban quản lý bản là lực lượng chỉ đạo PCCR của bản, trong thôn có 10 người chuyên trách về phòng cháy chữa cháy rừng, các nhóm hộ nhận rừng có thể nằm trong đội xung kích này hoặc không. Người dân ở đây luôn tham gia PCCR, đặc biệt là khi xảy ra cháy ở rừng của cộng đồng

Với sự tham gia của cộng đồng vào công tác PCCR thì số vụ cháy rừng trên địa bàn cộng đồng QLBV giảm rõ rệt, trước khi giao rừng thường xảy ra 2-3 vụ cháy/ 1 năm nhưng từ năm 2012 đến nay không xảy ra vụ cháy rừng nào.

Nhận thức của người dân về vai trò của rừng cộng đồng: Cộng đồng đã ý thức được vai trò bảo vệ sinh thái của rừng như bảo tồn nguồn nước, chắn gió bão, hạn chế xói mòn, lở khe...Cộng đồng dân cư trong bản đều nhận thức được vai trò chống xói mòn, lở núi của rừng, vai trò cung cấp lá nón, song mây, mật ong, củi và gỗ làm nhà. Tuy nhiên, ở đây có một tỷ lệ tương đối người dân được hỏi không quan tâm hoặc không biết về vai trò của rừng. Tỷ lệ này chủ yếu là người không thuộc nhóm hộ nhận quản lý bảo vệ rừng (theo họ rừng không phải của mình nên không được hưởng lợi gì, vì vậy không cần quan tâm đến vai trò của rừng).

Nhận thức về quyền lợi của cộng đồng nhận rừng: Bước đầu cộng đồng nắm được về các quyền lợi của mình, đặc biệt quyền được trồng bổ sung các loài cây trồng hợp lý dưới tán rừng để hưởng lợi, và quyền được khai thác các nguồn lợi lâm sản ngoài gỗ từ rừng được giao. Sự hiểu biết của cộng đồng về quyền lợi của mình ở trong bản được các cán bộ dự án phổ biến định kỳ để nhằm tăng cường vai trò của cộng đồng trong vấn đề quản lý bảo vệ rừng được giao [3].

3.3. Hiệu quả mang lại khi thực hiện chính sách giao rừng cho bản Phú Minh

3.3.1. Hưởng lợi từ rừng cộng đồng

Người dân được hưởng lợi từ việc thu hái các nguồn Lâm sản ngoài gỗ nhằm phục vụ cho đời sống hằng ngày như: măng tre, bắp chuối, cây dược liệu, song mây,...Hiện tại người dân trong bản bắt đầu hưởng lợi từ chính sách khoán quản lý bảo vệ rừng.

3.3.2. Hiệu quả về môi trường

Thông qua các hoạt động khoanh nuôi phục hồi rừng, trồng rừng, đến năm 2020 dự kiến sẽ có 97,579 ha được phục hồi thành rừng, trồng rừng 1,656 ha, sẽ đưa độ che phủ của rừng trên địa bàn thôn từ 71% lên hơn 77,0%, đến năm 2020 [5].

3.3.3. Hiệu quả về xã hội

Thông qua các hoạt động đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, thu hút lao động địa phương vào sản xuất lâm nghiệp, từ đó bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng sản xuất lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư của bản, đây là cơ sở quan trọng để điều chỉnh thu nhập từ sản xuất lâm nghiệp từng bước chiếm tỷ trọng lớn trọng trong thu nhập của người dân miền núi.

Các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, hàng năm sẽ tạo việc làm và thu nhập tăng thêm cho 29 hộ gia đình tại bản. Góp phần ổn định đời sống kinh tế - xã hội, ổn định an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn xã biên giới.

3.4. Một số giải pháp quản lý rừng bền vững

3.4.1. Giải pháp về chính sách hưởng lợi

Lập danh sách đăng ký nhu cầu sử dụng gỗ làm nhà của các hộ trong cộng đồng, nhu cầu xây dựng cơ bản các công trình phúc lợi xã hội để có kế hoạch phân bổ khai thác hàng năm, đảm bảo tính bền vững trong lợi dụng tài nguyên rừng.

Làm tốt công tác truyền truyền vận động người dân thay đổi những tập quán sử dụng gỗ, củi trong xây dựng cơ bản, sinh hoạt bằng các nguyên vật liệu thay thế gỗ như xi măng, sắt.... và sử dụng bếp ga, bếp tiết kiệm củi...

Thành lập hoặc liên kết với các tổ chức, đơn vị sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ để tạo việc làm cho người dân từ việc khai thác tận thu Lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, tổ chức thu mua, sản xuất hàng mỹ nghệ....

3.4.2. Giải pháp về đầu tư kinh doanh rừng có sự tham gia của cộng đồng

** Bảo vệ rừng*

Quản lý bảo vệ những diện tích đất lâm nghiệp, bao gồm rừng tự nhiên; Đất trồng có cây gỗ rải rác đưa vào khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, đất trồng cây bụi đưa vào trồng rừng trên khu vực rừng được giao cho cộng đồng.

** Khoanh nuôi tái sinh rừng*

Khoanh nuôi những diện tích đất chưa có rừng trạng thái nằm xen kẽ trong khu vực giao rừng cộng đồng được cấp có thẩm quyền giao đất cho cộng đồng để sản xuất lâm nghiệp

** Trồng rừng*

Đối tượng đưa vào trồng rừng là các trạng thái đất trồng cây bụi, thiếu cây tái sinh mục đích có điều kiện thuận lợi để thi công trồng rừng và đem lại hiệu quả kinh tế cho cộng đồng, môi trường.

Lựa chọn loài cây đưa vào trồng rừng phù hợp với điều kiện trong khu vực, loài cây dự kiến trồng rừng là Keo lai, Keo Tai tượng, Keo lá tràm.

** Nuôi dưỡng rừng*

Đối tượng là rừng tự nhiên sau khai thác chọn rừng trung bình và rừng nghèo

Chọn cây sinh trưởng khỏe mạnh phẩm chất tốt, thuộc nhóm loài cây mục đích ở mọi thế hệ. Chặt cây cong queo, sâu bệnh, già cỗi, thấp nghệt, hoại sinh, cây tạp chèn ép cây mục đích.

** Khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên*

Dựa vào cơ sở tăng trưởng số cây trong 5 năm của rừng để tính toán phần cộng đồng được hưởng trong từng giai đoạn lập kế hoạch 5 năm quản lý rừng cộng đồng. Tiếp cận theo mô hình rừng ổn định số cây theo cấp kính trong 5 năm. So sánh số cây thực tế với mô hình rừng ổn định, số cây vượt lên là số cây tăng trưởng theo cấp kính trong 5 năm; đây là số cây cộng đồng được khai thác và hưởng lợi. Có nghĩa là sử dụng mô hình rừng ổn định như là đối chứng để xác định tăng trưởng và chỉ số xác định quyền hưởng lợi dựa vào tăng trưởng được đơn giản hóa bằng số cây theo cấp kính màu.

Cộng đồng được phép khai thác 20% số cây vượt so với mô hình rừng ổn định; để phục vụ cho nhu cầu sử dụng làm nhà cửa và các loại đồ gia dụng khác của các thành viên trong cộng đồng và khai thác cho mục đích thương mại khuyến nghị thành quả thu được, được phân chia giữa xã, thôn và hộ gia đình quản lý sử dụng rừng.

** Khai thác và phát triển lâm sản ngoài gỗ*

Được phép khai thác, thu hái các lâm sản, tre nứa (trừ những loài quý hiếm, cấm khai thác, sử dụng theo quy định của Chính phủ), nhưng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng lớn đến sinh trưởng và phát triển của từng loài. Việc khai thác, thu hái do cộng đồng tự quyết định (đối với rừng thuộc cộng đồng quản lý, do Ban quản lý rừng cộng đồng cấp phép khai thác, thu hái), sản phẩm khai thác, thu hái được lưu thông theo quy định.

Những diện tích đất có rừng tự nhiên gần dân cư cần được khoanh vùng và có thiết kế để trồng dưới tán những loại lâm sản ngoài gỗ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế của cộng đồng như Mây các loại, các loại dược liệu...

4. KẾT LUẬN

Giao rừng cho cộng đồng dân cư bản Phú Minh xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, xuất phát nhu cầu, nguyện vọng của cộng đồng, phù hợp với thực tế của địa phương để rừng có chủ thực sự, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng dân cư trong bản, đem lại những lợi ích kinh tế, môi trường thiết thực cho chính người dân trong cộng đồng.

Kết quả điều tra, khảo sát các nhân tố ngoài thực địa có sự tham gia của cộng đồng dân cư bản Phú Minh, từ đó thành lập ban quản lý rừng cộng đồng ở bản để người dân trực tiếp quản lý rừng và hưởng lợi từ diện tích rừng được giao. Các kết quả điều tra, tính toán các số liệu thu thập có độ tin cậy cao phục vụ cho công tác giao rừng.

Chính sách hưởng lợi với diện tích là 803,87 ha rừng tự nhiên;. Tuy nhiên, các thủ tục pháp lý về QLRCĐ chưa đầy đủ và rõ ràng, gây khó khăn cho cộng đồng trong quá trình quản lý, bảo vệ.

Thực trạng của việc quản lý rừng cộng đồng sau khi được giao: Cấu trúc quản lý, sự tham gia QL BV của các cộng đồng dân cư thôn hợp lý và hiệu quả. Cơ chế hưởng lợi từ rừng của cộng đồng đã có tác dụng khuyến khích người dân tham gia, thủ tục khai thác sắp tới sẽ triển khai căn cứ vào nhu cầu của cộng đồng để thực hiện. Sự phối hợp giữa các bên liên quan với cộng đồng trong quá trình quản lý bảo vệ rừng chưa được chặt chẽ.

Hiệu quả của việc giao rừng cho cộng đồng quản lý bảo vệ: Chất lượng rừng do cộng đồng dân cư thôn QLBV ngày càng được nâng cao, cơ cấu thu nhập của người dân thay đổi so với trước khi giao rừng. Nhận thức của người dân về vai trò của rừng cộng đồng cũng có sự thay đổi có lợi cho việc quản lý bảo vệ. Nhờ đó mà rừng cộng đồng hạn chế được hiện tượng xói mòn, lở núi; bảo đảm được nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất ở trong bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Bá Ngãi (2009), *Quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam: Thực trạng, vấn đề và giải pháp*, Kỷ yếu hội thảo quốc gia về quản lý rừng cộng đồng - Quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam: Chính sách và thực tiễn, Dự án FGLG, Hà Nội.
- [2] Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn(2006), *Lâm nghiệp cộng đồng – Cẩm nang ngành Lâm nghiệp*.
- [3] Võ Đình Tuyên, *Cơ chế hưởng lợi trong quản lý rừng cộng đồng ở Việt Nam*, Hội thảo Quản lý rừng tự nhiên dựa trên quyền của người dân, Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường, 7 - 11.
- [4] Niên giám thống kê huyện Minh Hóa 2013.

[5] Báo cáo tổng năm 2013 UBND xã Thượng Hóa.